

Bản án số: 02 /2021/HS - ST
Ngày 08 - 01 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành
Bà Lưu Thị Sen

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Hải -Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2020/TLST- HS ngày 11 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1990 tại xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Nơi cư trú: Thôn G, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân Đ (đã chết) và bà Quách Thị N (đã chết); Có vợ là Bùi Thị T và 02 con, con lớn sinh năm 2014, Con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Bùi Văn K, sinh năm 1992. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

-Người làm chứng:

+ Anh Lê Văn S, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn G, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

+ Anh Nguyễn Trọng V, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Mi, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

+Anh Trịnh Đình K, sinh năm 1995. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

+Anh Trịnh Đình H, sinh năm 2005. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

+Anh Trịnh Đình L, sinh năm 2004. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 18/8/2020 anh Bùi Văn Kh cùng với Nguyễn Trọng V, và Trịnh Đình K đi đến nhà Lê Văn T để cắt cây xoan trồng trong vườn nhà T, theo thỏa thuận trước đó giữa anh Kh và em trai Tâm là Lê Văn S (ở cùng nhà với T). Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T ra vườn thấy cành và lá xoan đẽ lên hai cây thuốc ở trong vườn, nên T nói anh V thu dọn cành lá cây xoan đang đẽ lên hai cây thuốc, nhưng anh V chỉ thu dọn qua loa. Lúc này T thấy anh Kh đang cúi người cầm cưa máy cắt cây xoan, T nói với anh Kh “ Đừng cắt cây nữa”, để T dọn cành và lá cây đang đẽ lên cây thuốc, nhưng do tiếng máy cưa anh Kh không nghe thấy T nói nên vẫn cắt cây, T thấy bức tức, nên đi vào bếp nhà mình lấy 01 con dao năm đi lại phía sau anh Kh, chém 01 nhát từ trên xuống vào cánh tay trái anh Kh, hậu quả anh Kh bị thương tích phải đi điều trị tại bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Lặc. Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể anh Bùi Văn Kh, xác định: Mặt trước trong 1/3 dưới cánh tay trái có vết thương kích thước 1 x 0,5cm, bờ sắc gọn rỉ máu.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 723/2020/TTPY ngày 28/9/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Tại thời điểm giám định pháp y về thương tích tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Bùi Văn Kh là 02%.

Ngày 09/10/2020 bị hại Bùi Văn Kh có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Về bồi thường thiệt hại: Sau khi bị gây thương tích anh Kh điều trị tại Bệnh viện đa khoa khu vực N từ ngày 18/8/2020 đến ngày 26/8/2020 xuất viện, anh Kh yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 20.000.000 đồng, bao gồm các khoản: - Tiền viện phí: 2.698.000 đồng;

- Tiền ăn 07 ngày nằm điều trị: 60.000đ/ngày x 7 ngày = 420.000 đồng.
- Tiền ăn của người thân đi chăm sóc: 60.000đ/ngày x 7 ngày = 420.000 đồng.
- Tiền đi lại của người chăm sóc: 30.000 đồng/ngày x 7 ngày = 210.000 đồng.
- Tiền mất thu nhập của bị hại: 300.000/ngày x 7 ngày = 2.100.000 đồng.
- Tiền mất thu nhập của người chăm sóc: 200.000/ngày x 7 ngày = 1.400.000 đồng.

- Tiền thuê xe đi giám định: 1.000.000 đồng.

- Tiền tổn hại sức khỏe: 5.000.000 đồng.

- Tiền tổn hại tinh thần: 7.000.000 đồng.

Bị cáo đã bồi thường cho anh Kh được 1.500.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: 01 con dao bằng kim loại dài 47cm (loại dao năm lưỡi dao bằng kim loại dài 32cm, bản dao rộng nhất 5cm, bản dao hẹp nhất 3cm, có 01 cạnh sắc, cán dao bằng gỗ dài 15cm, hai đầu cán dao bọc khuyên kim loại. vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc.

Tại bản Cáo trạng số 46/CT-VKSNL, ngày 10/12/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc đã truy tố Lê Văn T, về tội " Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 và khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền từ 13.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi dùng dao chém gây thương tích cho anh Bùi Văn Kh, bị cáo không tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và giảm mức bồi thường.

Bị hại Bùi Văn Kh không tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại với số tiền 20.000.000 đồng, về hình phạt bị hại đề nghị HĐXX xét xử bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ngọc Lặc, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, của những người làm chứng và phù hợp các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Chiều ngày 18/8/2020 tại vườn nhà Lê Văn T, ở thôn G, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Lê Văn T đã có hành vi dùng dao đâm chém một nhát vào cánh tay trái anh Bùi Văn Kh, hậu quả anh Bùi Văn Kh bị tổn thương cơ thể 02%.

Hành vi dùng dao đâm là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại với tỉ lệ tổn thương cơ thể 02% của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội " Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Bị hại Bùi Văn Kh có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc đối với bị cáo Lê Văn T là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Tính chất vụ án ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội. Hành vi này cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục, trừng trị bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền 20.000.000 đồng gồm các khoản:

- Tiền viện phí: 2.698.000 đồng;
- Tiền ăn 07 ngày nằm điều trị: $60.000\text{đ/ngày} \times 7 \text{ ngày} = 420.000 \text{ đồng}$.
- Tiền ăn của người thân đi chăm sóc: $60.000\text{đ/ngày} \times 7 \text{ ngày} = 420.000 \text{ đồng}$.
- Tiền đi lại của người chăm sóc: $30.000 \text{ đồng/ngày} \times 7 \text{ ngày} = 210.000 \text{ đồng}$.
- Tiền mất thu nhập của bị hại: $300.000/\text{ngày} \times 7 \text{ ngày} = 2.100.000 \text{ đồng}$.

- Tiền mất thu nhập của người chăm sóc: $200.000/\text{ngày} \times 7 \text{ ngày} = 1.400.000$ đồng.
- Tiền thuê xe đi giám định: 1.000.000 đồng.
- Tiền tổn hại sức khỏe: 5.000.000 đồng.
- Tiền tổn hại tinh thần: 7.000.000 đồng.

Tuy nhiên, căn cứ vào các quy định của pháp luật và thực tế thiệt hại về sức khỏe của bị hại, Hội đồng xét xử có căn cứ buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại các khoản sau:

- Tiền mất thu nhập của bị hại: $300.000/\text{ngày} \times 7 \text{ ngày} = 2.100.000$ đồng.
- Tiền mất thu nhập của người chăm sóc: $200.000/\text{ngày} \times 7 \text{ ngày} = 1.400.000$ đồng.
- Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 3.000.000 đồng.
- Tiền bồi thường bù đắp tổn thất tinh thần: 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là: 11.500.000 đồng, bị cáo đã bồi thường được 1.500.000 đồng. Buộc bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 10.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường của bị hại đối với khoản tiền viện phí 2.698.000 đồng, đã được bảo hiểm y tế chi trả toàn bộ; khoản tiền thuê xe đi giám định do cơ quan tiến hành tố tụng chi trả; khoản tiền ăn của bị hại và người thân đi chăm sóc trong 7 ngày, tiền đi lại của người thân chăm sóc. Đây là các khoản yêu cầu không hợp lý, không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: HĐXX xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Nên không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành người tốt.

[7] Vật chứng của vụ án: 01 con dao bằng kim loại dài 47cm (loại dao năm) lưỡi dao dài 32cm, bản dao rộng nhất 5cm, bản dao hẹp nhất 3cm, có 01 cạnh sắc, cán dao bằng gỗ dài 15cm, hai đầu cán dao bọc khuyên kim loại là công cụ phạm tội, nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; có nghĩa vụ bồi thường nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T, phạm tội " Cố ý gây thương tích".

2. Áp dụng: điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 và điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

3. Xử phạt: Lê Văn T 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 584, 585 và Điều 590 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Bùi Văn Kh số tiền: 11.500.000 đồng, chấp nhận bị cáo đã bồi thường được 1.500.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, đến thời điểm thi hành án, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án số tiền trên, nếu bên phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm phần lãi suất, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự. Khoản 1; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 con dao bằng kim loại dài 47cm (loại dao năm) lưỡi dao bằng kim loại dài 32cm, bản dao rộng nhất 5cm, bản dao hẹp nhất 3cm, có 01 cạnh sắc, cán dao bằng gỗ dài 15cm, hai đầu cán dao bọc khuyên (Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/12/2020 giữa Công an huyện Ngọc Lặc và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc).

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí HSST và 500.000 đồng án phí DSST.

7. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- Công an huyện Ngọc Lặc;
- THADS huyện Ngọc Lặc;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Sơn